|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT THANH KHÊ**  **Tổ Ngữ Văn** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2024 -2025**  **Môn: Ngữ Văn 11** |

**I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH THỨC, CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA VÀ PHẠM VI ÔN TẬP**

**1. Hình thức kiểm tra:** tự luận; **thời gian làm bài kiểm tra :** 90 phút

**2. Cấu trúc đề kiểm tra:** Gồm 2 phần: *Đọc - hiểu* (6,0 điểm) và *Làm văn* (4,0 điểm)

**a. Phần Đọc - hiểu (6,0 điểm):** Gồm 6 câu.

- Ngữ liệu đọc - hiểu: văn bản/ đoạn trích (*ngoài sách giáo khoa*).

- Chú ý một số thể loại trong phạm vi ôn tập: **các thể loại ở học kì II** theo bốn mức độ: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng.

- Một số kiến thức Tiếng Việt: Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối; Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, Cách giải nghĩa của từ.

**b. Phần Viết (4,0 điểm):** Gồm 1 câu.

***b1) Dạng đề: Yêu cầu viết bài văn thuyết minh:***

- Viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.

- Viết bài văn thuyết minh về một hiện tượng sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

* ***Yêu cầu cần đạt:***

\* Thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.

- Giới thiệu hiện tượng cần thuyết minh, nêu rõ sự tồn tại của hiện tượng trong đời sống xã hội.

- Thuyết minh về thực chất của hiện tượng xã hội.

- Lí giải rõ ràng nguyên nhân của hiện tượng

- Trình bày tác động tích cực hoặc tiêu cực của hiện tượng đối với đời sống con người, có sử dụng các cứ liệu cụ thể.

- Nêu giải pháp phát huy hiện tượng tích cực hoặc hạn chế hiện tượng tiêu cực.

\* Thuyết minh về một hiện tượng sự vật, hiện tượng trong tự nhiên

- Giới thiệu hiện tượng tự nhiên

- Mô tả các biểu hiện đặc biệt của tự nhiên

- Giải thích đặc điểm đặc biệt của hiện tượng tự nhiên bằng lí luận khoa học

- Tư duy và hành động của con người trước hiện tượng tự nhiên.

**b2) Dạng đề: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật**

* ***Yêu cầu cần đạt:***

- Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng)

- Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai

- Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể

- Thể hiện sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.

**3. Phạm vi ôn tập:**

Từ tuần 19 đến tuần 34 học kỳ II

**II. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**BÀI 6: NGUYỄN DU – “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐỚN LÒNG”**

**1. Văn học trung đại Việt Nam**

- Khái niệm: Văn học hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX; trong thời kì phong kiến.

- Phân loại:

+ Văn học viết bằng chữ Hán

+ Văn học viết bằng chữ Nôm

- Nội dung chủ yếu: yêu nước và nhân văn, nhân đạo

- Đặc trưng:

+ Tính nguyên hợp (văn, sử, triết bất phân)

+ Tính sùng cổ

+ Tính song ngữ

+ Tính quy phạm --> đặc trưng tiêu biểu nhất

**2. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam**

- Thời trung đại Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hoá lớn là Trung Hoa, Ấn Độ -> sự phát triển của VHVN gắn liền với việc tiếp biến các thành tựu văn hoá, văn học của hai nền văn hoá đó.

- Các phương diện giao lưu và sáng tạo:

+ Tư tưởng

+ Ngôn ngữ - văn tự

+ Thể loại

+ Chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,…)

- Nguyên tắc: lựa chọn tinh hoa, chủ động “việt hoá” các yếu tố ngoại lai.

**3. Truyện thơ Nôm**

- Khái niệm: là loại hình tác phẩm tự sự độc đáo của VHTĐVN, kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể lục bát/ song thất lục bát.

- Phân loại (theo đặc điểm nội dung & nghệ thuật):

+ Truyện thơ Nôm bình dân: phần lớn khuyết danh, tác giả là Nho sĩ, trí thức bình dân; cốt truyện lấy từ VHDG hoặc đời sống; hình thức nghệ thuật còn mộc mạc song cuốn hút bằng chính vẻ đẹp bình dị, tự nhiên.

+ Truyện thơ Nôm bác học: hầu hết có tên tác giả, là những Nho sĩ thuộc tầng lớp phong kiến quý tộc, có học vấn uyên bác; cốt truyện lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật; hình thức nghệ thuật được trau chuốt, điêu luyện.

- Đề tài, chủ đề: rộng mở nhiều lĩnh vực, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại (khẳng định tình yêu tự do, tôn vinh vẻ đẹp người phụ nữ,…).

- Cấu trúc: thường được kể theo trình tự thời gian: gặp gỡ - chia ly – đoàn tụ.

- Thế giới nhân vật:

+ phong phú (từ vua chúa, quan lại đến người hầu, người lao động, Nho sĩ, nhà sư, nhà buôn,…

+ mang tính loại

+ bút pháp xây dựng: tả cảnh ngụ tình, độc thoại, đối thoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp

=> Thể loại có đóng góp to lớn vào sự phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc.

**BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỞNG TƯỢNG TRONG KÍ**

**1. Khái niệm thể loại kí và đặc trưng thể loại**

– Kí là tên gọi một thể loại văn học bao gồm nhiều thể loại / tiểu loại văn xuôi, chú trọng ghi chép sự thực, bộc lộ trực tiếp những cảm xúc của tác giả.

– Tuỳ theo mục đích, mức độ bộc lộ cái tôi tác giả và cách thức tổ chức các phương thức biểu đạt mà tác phẩm kí được gọi là

+ kí sự, du kí, truyện kí, hồi kí, phóng sự, …

+ bút kí, tuỳ bút, tản văn, tạp văn, …

**2. Tuỳ bút, tản văn**

a. Tùy bút:

– Thể hiện rõ cái tôi của tác giả

– Nội dung: trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng về sự vật, sự việc, …

- PTBĐ: Tự sự là phụ, trữ tình là chính

c. Tản văn:

– Cái tôi tác giả rõ nét nhưng những liên hệ, suy tưởng hạn chế hơn.

– Gợi lên những bức tranh đời sống đưa lại nhiều rung cảm thẩm mĩ.

- PTBĐ: Sử dụng đồng thời tự sự, trữ tình, có thể kết hợp nghị luận, miêu tả, …

**3. Truyện kí**

+ thể loại giao thoa giữa truyện và kí

+ nhà văn dựa vào người thật và sự việc có thật, lựa chọn, sắp xếp và tổ chức thành câu chuyện hấp dẫn, làm nổi bật đối tượng được phản ánh bằng ngôn ngữ văn học.

- Phi hư cấu:

+ Thể hiện qua các yếu tố như người thật, việc thật.

+ Người viết phải tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc.

- Hư cấu:

+ Sự sáng tạo của người viết khi tổ chức, xử lí tư liệu, lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật.

+ Cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

**BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN**

**1. Dấu hiệu hình thức của văn bản thông tin**

- Nhan đề: giới thiệu chủ đề của văn bản

- Đề mục: tô đậm nội dung chính hoặc chỉ ra điểm bắt đầu của một chủ đề nội dung mới.

- Sơ đồ, bảng biểu: trực quan hóa những thông tin quan trọng.

- Chữ in nghiêng, in đậm: nhấn mạnh những từ ngữ quan trọng

=> Hiệu quả: giúp người đọc nhận biết được nhanh chóng thông tin được đề cập.

=> Cách nắm bắt thông tin cơ bản: đọc lướt văn bản.

**2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin**

- Chủ đề: vấn đề chủ yếu được đề cập đến trong văn bản thông tin.

- Ý chính: ý quan trọng nhất tác giả muốn chia sẻ về chủ đề (thường được trình bày trực tiếp trong câu chủ đề hoặc ẩn chìm trong văn bản)

- Ý phụ: các thông tin chi tiết bổ sung, làm rõ cho ý chính)

=> Nắm được bố cục, mạch lạc của văn bản giúp người đọc hiểu được bản chất của vấn đề, dễ dàng ghi nhớ thông tin.

**3. Cách trình bày trong văn bản thông tin**

- Theo trật tự thời gian

- Theo trật tự nhân quả

- Theo tầm quan trọng của vấn đề

- Theo quan hệ so sánh, tương phản

**4. Mục đích của người viết trong văn bản thông tin**

- Mục đích chủ yếu: cung cấp thông tin.

- Mục đích khác: thuyết phục, giải trí…

- Căn cứ nhận ra mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả: cách tiếp cận, lí giải, giọng điệu của tác giả…

**BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG**

**Văn bản văn học có nhiều chủ đề**

- Văn bản văn học có nhiều chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau:

+ Xét mức độ biểu hiện đậm hay nhạt, mạnh hay yếu của chủ đề thông qua toàn bộ thế giới nghệ thuật được miêu tả: chủ đề chính và chủ đề phụ (phụ thuộc vào sự tiếp nhận khác nhau của người đọc).

+ Xét tính chất của những điều được biểu hiện: chủ đề đặc thù dân tộc và chủ đề phổ quát nhân loại.

- Sự đa dạng về chủ đề khiến văn bản trở nên đa nghĩa, đáp ứng được nhiều sự đón đợi của nhiều loại độc giả khác nhau và mỗi người có thể tìm thấy ở văn bản một điều tâm đắc riêng.

- Mặc dù thể hiện nhiều chủ đề, tính thống nhất, trọn vẹn của văn bản vẫn luôn được nhà văn xem là đích cần hướng tới và điều này không có gì mâu thuẫn, bởi tự các chủ đề soi sáng, bổ sung cho nhau để cùng tạo nên một tác động mạnh mẽ, mang tính tổng hợp đối với người tiếp nhận.

**KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**I. BIỆN PHÁP LẶP CẤU TRÚC**

**1. Khái niệm**: là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.

**2. Tác dụng**: nhằm nhấn mạnh nội dung biểu đạt và tạo nhịp điệu, sự liên kết cho các câu văn, câu thơ.

**3. Phạm vi sử dụng**: dùng nhiều trong phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ văn chương.

**4. Ví dụ**

“Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi.”

-> Tạo ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung mà tác giả muốn nhấn mạnh.

**II. BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI**

**1. Khái niệm**

- Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ (cùng loại) hoặc câu (cùng cấu trúc) sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn.

**2. Phân loại**

- Trường đối: được thực hiện giữa hai dòng thơ/ câu văn.

- Tiểu đối: được thực hiện giữa các từ ngữ trong một dòng thơ/ câu văn.

**3. Phạm vi sử dụng**

- Văn vần (thơ, phú)

- Văn biền ngẫu (câu đối, chiếu, cáo, hịch)

- Văn xuôi: văn chính luận thời trung đại

**4. Ví dụ**

“Lom khom dưới núi, tiều vào chú,

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.”

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

-> Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hoà chi lời thơ, câu văn.

**III. HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG**

**1. Khái niệm**

- Quy tắc ngôn ngữ là những chuẩn mực chung về cách phát âm, dùng từ, cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu, dấu câu,… được mọi người trong cộng đồng thống nhất sử dụng để đảm bảo giao tiếp hiệu quả.

- Một số trường hợp người nói và người viết có thể phá vỡ có chủ ý để thể hiện những sự vật, hiện tượng, cảm xúc,… đặc biệt nhằm tăng cường hiệu quả giao tiếp.

**2. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường**

- Tạo ra những kết hợp từ trái logic.

- Sử dụng hình thức đảo ngữ.

- Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ..

- Bổ sung chức năng mới cho dấu câu (khi trình bày văn bản trên giấy).

- Tỉnh lược các thành phần chính của câu,…

- Tách một bộ phận câu thành câu.

- Sử dụng câu đặc biệt.

**IV. PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*** | | |
| ***Khái niệm*** | ***Tác dụng*** | ***Yêu cầu sử dụng*** |
| Là những hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ… góp phần chuyển tải ý tưởng và quan điểm trong giao tiếp. | - Thường sử dụng kết hợp với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản thông tin tổng hợp, giúp thông tin được truyền tải hiệu quả, sinh động hơn (các số liệu, các đường nối giữa các hình ảnh, hình vẽ, các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống, tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin | + Lựa chọn hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ… liên quan trực tiếp đến các luận điểm của bài viết  + Sử dụng đúng thời điểm  + Đưa ra các chỉ dẫn cần thiết  + Chú thích cho các hình ảnh, sơ đồ… |

**IV. CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ**

**1. Một số cách giải thích nghĩa của từ**

Có nhiều cách giải thích nghĩa của từ tuỳ vào ngữ cảnh cụ thể và vào đặc điểm, tính chất của từ được giải thích (từ vay mượn, từ địa phương, từ cổ,…). Sau đây là một số cách cơ bản và thông dụng:

- Giải thích bằng hình thức trực quan: chỉ vào sự vật hay hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó (cũng có thể chỉ vào hình ảnh đại diện của sự vật được ghi nhận bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như tranh, ảnh,…)

- Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Theo cách này, không chỉ nghĩa của các từ chỉ sự vật, hiện tượng quan sát được mà cả nghĩa của những từ biểu thị trạng thái tinh thần hay kết quả hoạt động tư duy của con người đều có thể được làm sáng tỏ.

- Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích, theo quy ước ngầm rằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa đó đã được người tiếp nhận biết đến.

- Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích (đối với từ ghép), sau đó nêu nghĩa chung của từ; nghĩa của từ phụ thuộc vào phương thức kết hợp cụ thể của các yếu tố (đẳng lập nhau chính – phụ) và ngữ cảnh.

**2. Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ**

- Trình bày khái niệm mà từ đó biểu thị: phải nêu đầy đủ các khía cạnh của khái niệm, vừa chỉ được “loại” mà đối tượng thuộc vào, vừa chỉ được tính đặc thù của đối tượng so với các đối tượng khác cùng loại.

- Nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa: trong một số trường hợp, có thể nêu cùng lúc 2-3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái nghĩa tinh tế của từ được giải thích.

Lưu ý: từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa dùng để giải thích cần phải phổ biến, dễ hiểu hơn so với từ được giải thích.

- Làm rõ nghĩa từng yếu tố của từ, sau đó tổng hợp lại: một yếu tố có thể có nhiều nghĩa, vì vậy, khi giải thích, phải phán đoán để chọn đúng nghĩa nào đó có thể tương thích với nghĩa của yếu tố còn lại.

**Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Cấp độ tư duy** | | | | | | |
| ***Nhận biết*** | | ***Thông hiểu*** | | ***Vận dụng*** | | **Tổng %** |
| **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** | 6.0% |
| **I** | **Năng lực đọc** | 1. Văn bản thông tin  2. Văn bản văn học có nhiều chủ đề | 6 | 2 | 20% | 3 | 30% | 1 | 10% |
| **II** | **Năng lực viết** | 1. Thuyết minh về một vấn đề trong xã hội đương đại | 1 | 10% | | 20% | | 10% | | 40% |
|  |  | 2. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật |  |  | |  | |  | |  |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***30%*** | | ***50%*** | | ***20%*** | | **100%** |
| **Tổng** | | | **7** | **100%** | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  **THANH KHÊ**  **ĐỀ MINH HỌA**  *(Đề có 02 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II, NĂM HỌC 2024-2025**  **Môn: NGỮ VĂN 11**  *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh**: ........................................................................................................

**Số báo danh**: .............................. **Phòng số**: .............................................................

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

**Chuyện chiếc xe thồ Điện Biên Phủ vào mỹ thuật**

**Hai kỳ tích nói lên đặc thù chiến tranh nhân dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ là chiếc xe đạp thồ và kéo pháo bằng sức người ra mặt trận không chỉ đi vào thơ, nhạc mà cả họa.**

|  |  |
| --- | --- |
| https://cdn.tuoitre.vn/471584752817336320/2024/4/28/base64-1714276642511541208109.jpeg  **Nhà điêu khắc Lưu Danh Thanh bên bức điêu khăc *Cả nước ra trận*** | Tác phẩm điêu khắc*Cả nước ra trận*của nhà điêu khắc Lưu Danh Thanh là một dân công đang thồ hàng trên xe đạp ra mặt trận đang trưng bày tại triển lãm "Đường lên Điện Biên" ở [Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam](https://tuoitre.vn/bao-tang-my-thuat-viet-nam.html). ....  **Kỳ tích chiếc xe đạp thồ**  Nhà điêu khắc Lưu Danh Thanh kể khi chiến dịch [Điện Biên Phủ](https://tuoitre.vn/dien-bien-phu.html) nổ ra, ông mới 14 - 15 tuổi. Thắng lợi quá lớn lao, vĩ đại của quân ta đã thôi thúc ông một ngày phải sáng tác về Điện Biên Phủ. Năm 2004, ông đi thực tế sáng tác tại Điện Biên. Nhận thấy nét riêng của chiến thắng ấy là đào giao thông hào và chiếc xe đạp thồ, sau nhiều ngày suy nghĩ tìm ý tưởng, ông quyết định phải sáng tác về đội quân xe thồ đặc biệt đóng góp rất lớn cho chiến thắng lừng lẫy năm châu. Tác phẩm điêu khắc tạc một người dân trong tư thế đang đẩy chiếc xe thồ hàng rất nặng lên dốc hoàn thành sau hai tháng. |

Tuy tác phẩm chỉ có một người, nhưng một người ấy đại diện cho khối toàn dân một lòng ủng hộ kháng chiến, nên ông lấy tên Cả nước ra trận. Năm 2005, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã mua tác phẩm này của ông. Họa sĩ Lương Xuân Đoàn, chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam, khẳng định chiếc xe đạp thồ là điều kỳ diệu nhất trong cuộc [kháng chiến chống Pháp](https://tuoitre.vn/khang-chien-chong-phap.html) của chúng ta. Lưu Danh Thanh đã chọn được hình ảnh khái quát nhất để nói về cuộc chiến tranh nhân dân.

**Vào cả bảo tàng nước Mỹ**

Cũng câu chuyện chiếc xe đạp thồ này, nhà sử học Dương Trung Quốc mang đến bức ảnh thú vị ông chụp một chiếc xe thồ ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia Mỹ, trong phòng trưng bày về chiến tranh Việt Nam. Ông Quốc nói các nhà sử học phương Tây nhận ra vị thế của chiếc xe đạp thồ trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong rất nhiều tác phẩm mà ông được tiếp cận đã nói rằng tướng Nava thua ở Điện Biên Phủ chính là thua chiếc xe đạp thồ. Bởi khi người Pháp chọn Điện Biên Phủ để xây dựng căn cứ địa chiến đấu, họ đã tưởng rằng ta sẽ thua chắc vì làm sao đưa được lương thực, vũ khí, và kéo được pháo vào để chiến đấu với quân Pháp. Nhưng họ đã nhầm. Chiếc xe thồ - một sáng tạo vĩ đại của người dân Việt Nam, cải tiến từ phương tiện cơ giới Tây phương và cây tre Việt Nam đã giúp chuyên chở khối lương thực, đạn dược, thuốc men khổng lồ phục vụ 50.000 quân chiến đấu trong gần hai tháng để đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy.

[…] Chiếc xe đạp thồ trở thành biểu tượng suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

(Theo <https://tuoitre.vn/chuyen> chiec xe tho o dien bien phu vao my thuat.htm)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định thông tin chính của đoạn trích trên.

**Câu 2**. Xác định bố cục của văn bản trên.

**Câu 3**. Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

**Câu 4.** Trình bày cách hiểu của anh/chị về câu nói: *tướng Nava thua ở Điện Biên Phủ chính là thua chiếc xe đạp thồ*.

**Câu 5.** Qua văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về sức mạnh của ý chí, sự sáng tạo của nhân dân trong kháng chiến?

**Câu 6.** Từ những thông tin được trình bày trong văn bản trên, anh/chị rút ra được thông điệp gì có ý nghĩa cho bản thân? (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

**II. VIẾT** **(4.0 điểm)**

Thời gian gần đây trên mạng xã hội xuất hiện trào lưu “Flex” (hay “Flexing”) – tự hào, khoe khoang những thứ mình sở hữu. Anh/chị hãy viết bài văn thuyết minh về hiện tượng trên.

**--------------- Hết ---------------**